



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	9,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.2%	-3.9%	-1.5%

DT thuần Q3/25
29.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.6 76.6%
YoY: ▲ 0.50 1.6%

LN thuần Q3/25
18.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.4 433%
YoY: ▲ 2.50 15.3%

LN sau thuế Q3/25
6.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.22 90.6%
YoY: ▼ 8.53 -55.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
63.2%
YoY: +/- ▲ 19.3%

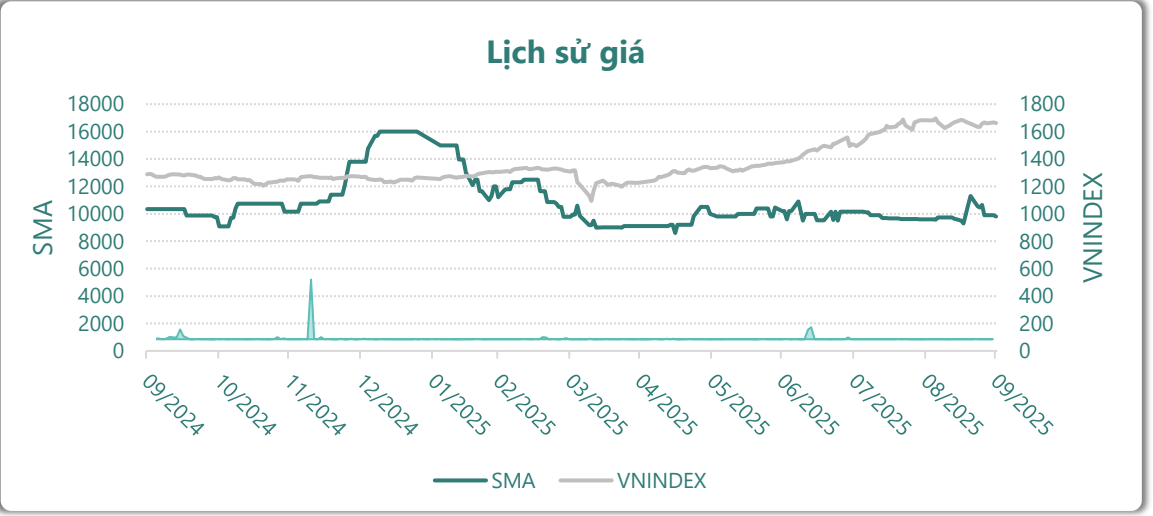
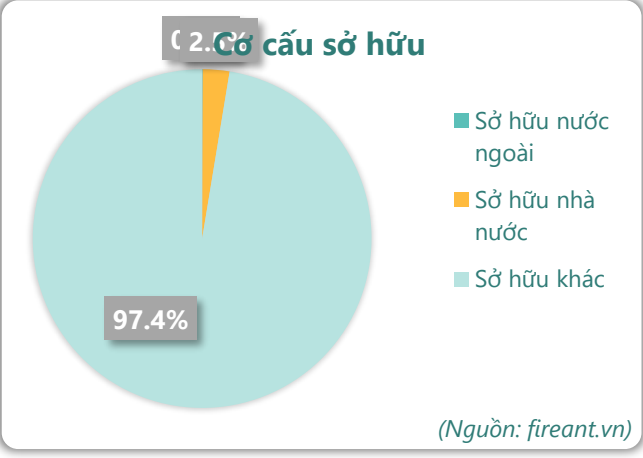
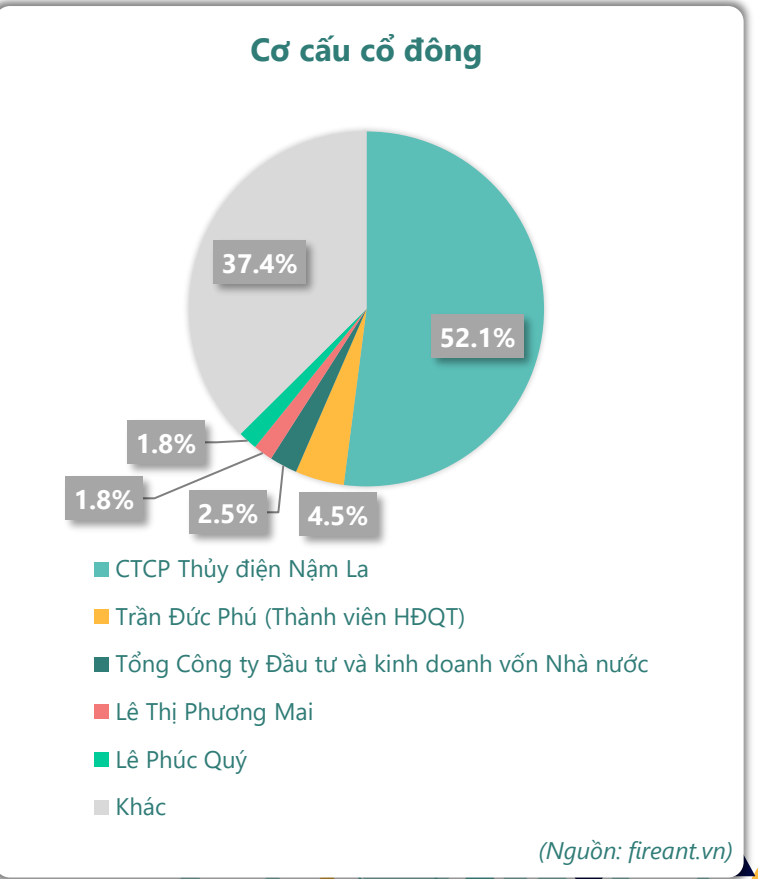
ROE (TTM) Q3/25
4.8%
YoY: +/- ▼ 3.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,600 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
Số lượng CPLH (CP)	20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,730
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.01)
EPS	573
P/E	17.1

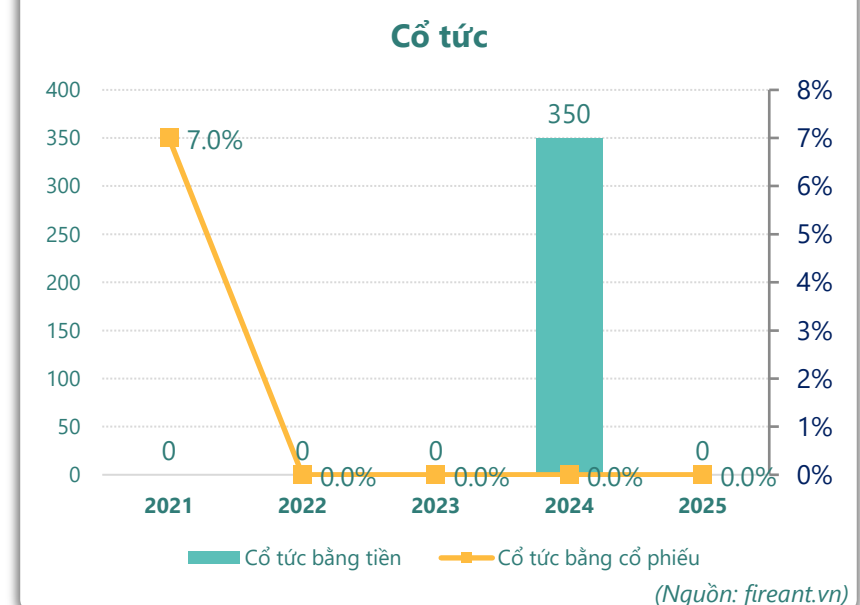
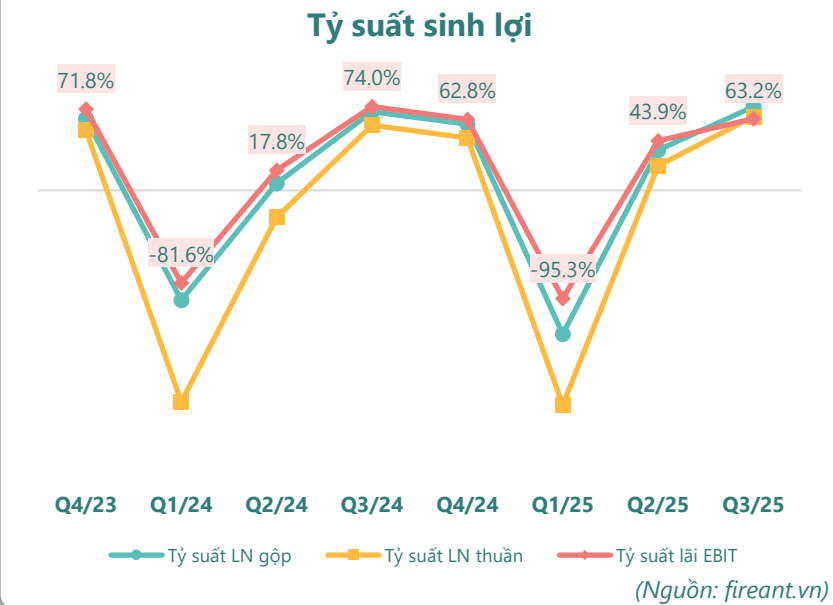
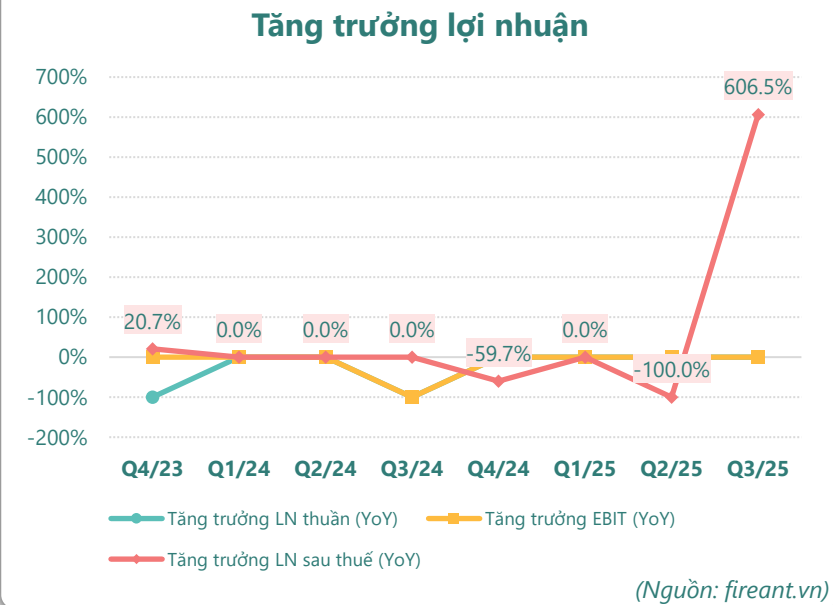
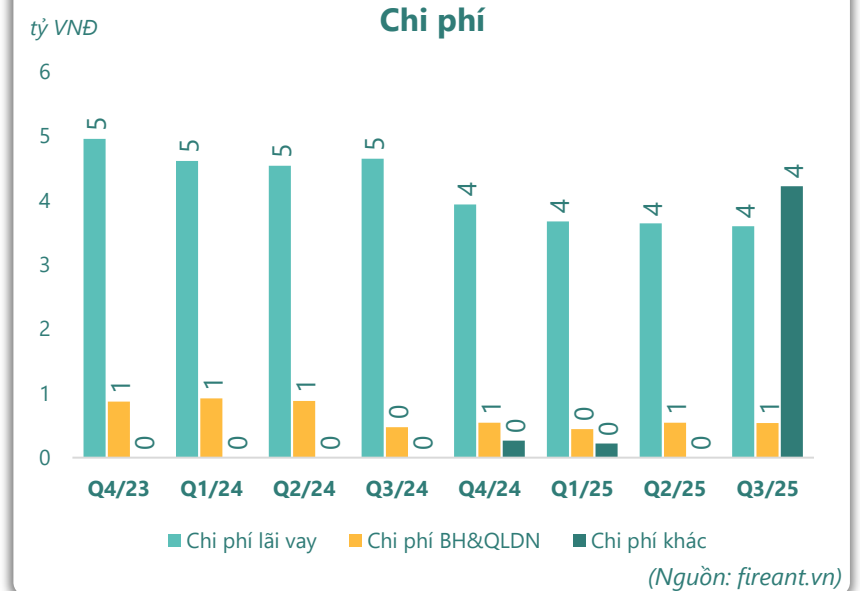
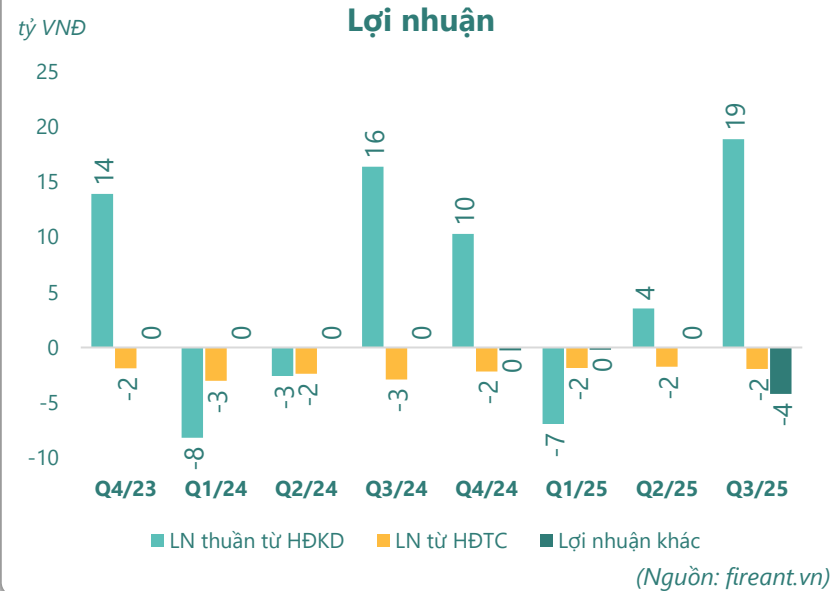
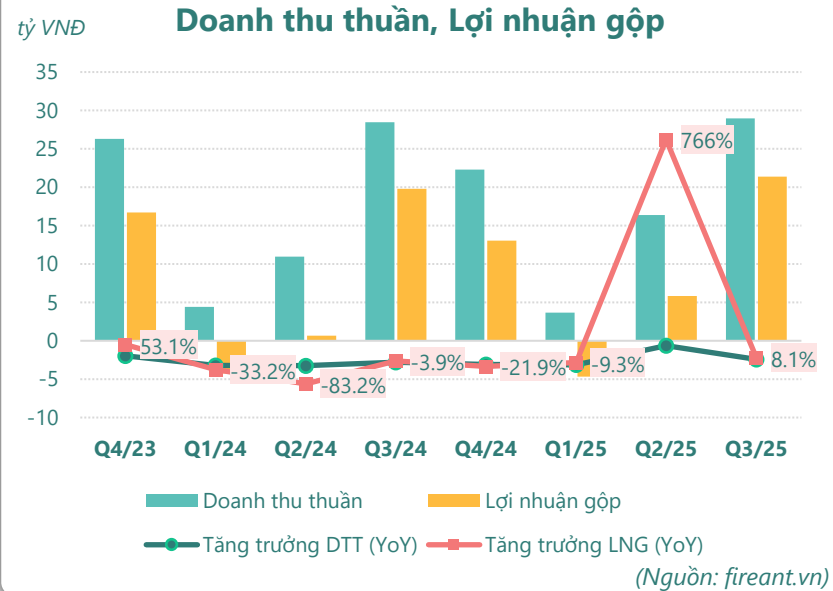
DT thuần 9T 2025
49.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.20 11.9%

LN thuần 9T 2025
15.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.90 177%

LN sau thuế 9T 2025
3.14
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.20 -27.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH

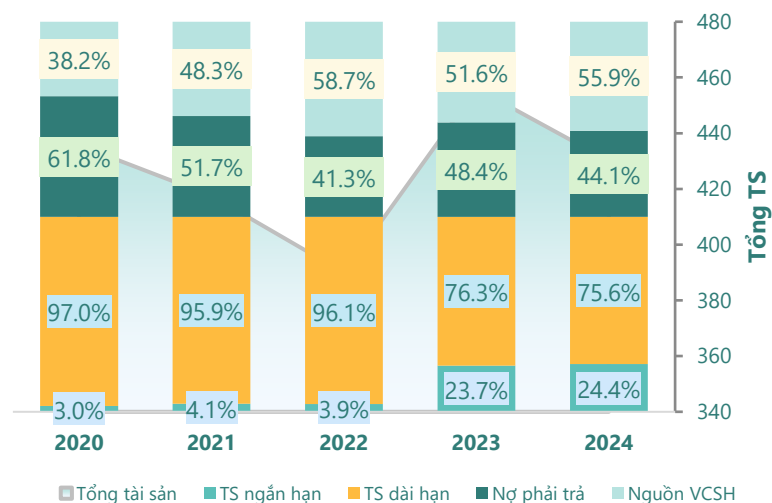




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

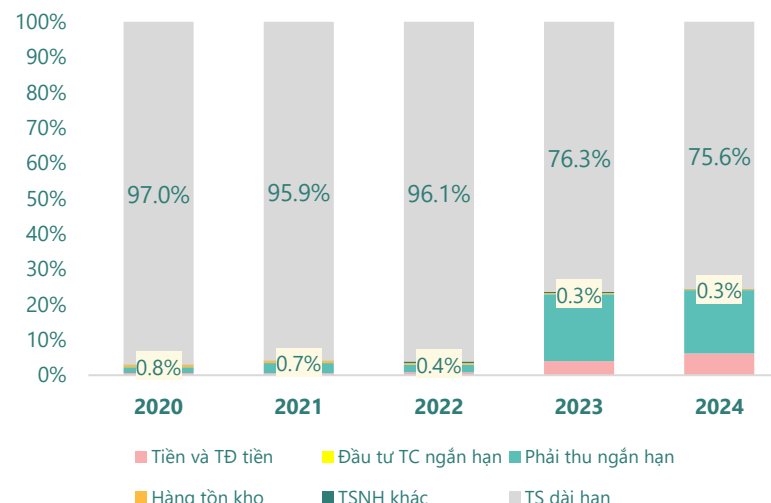
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

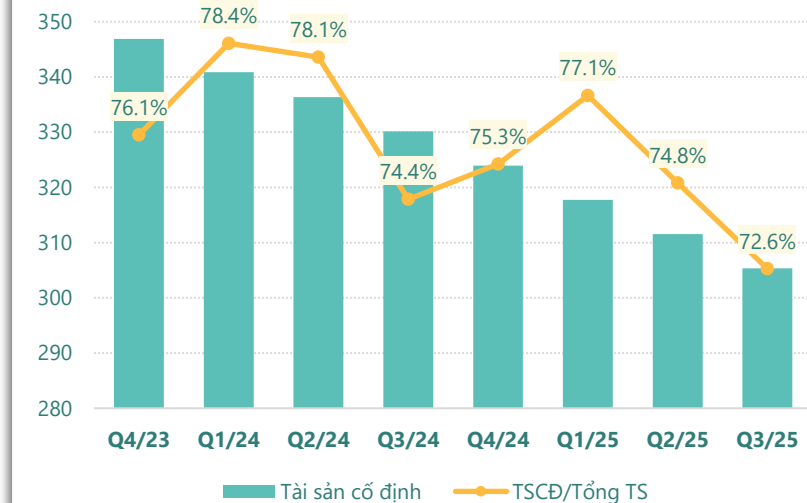
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

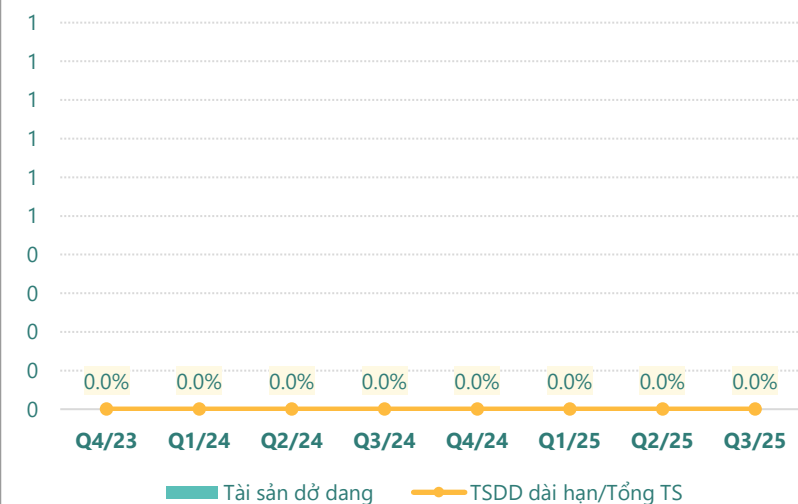
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

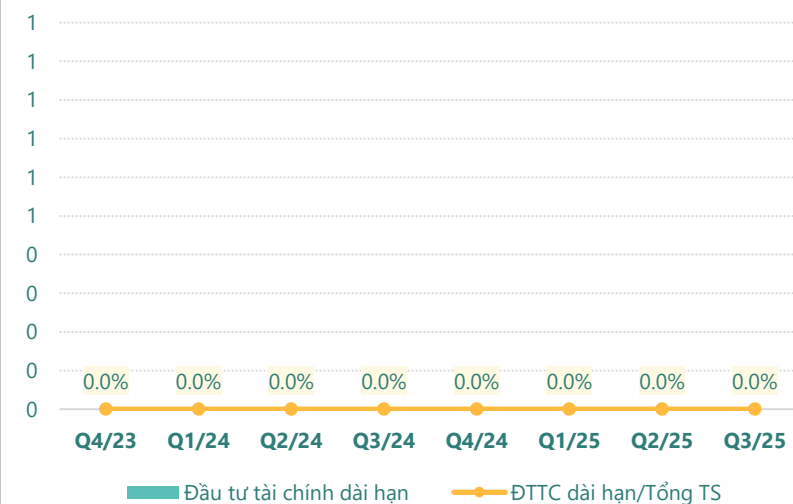
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

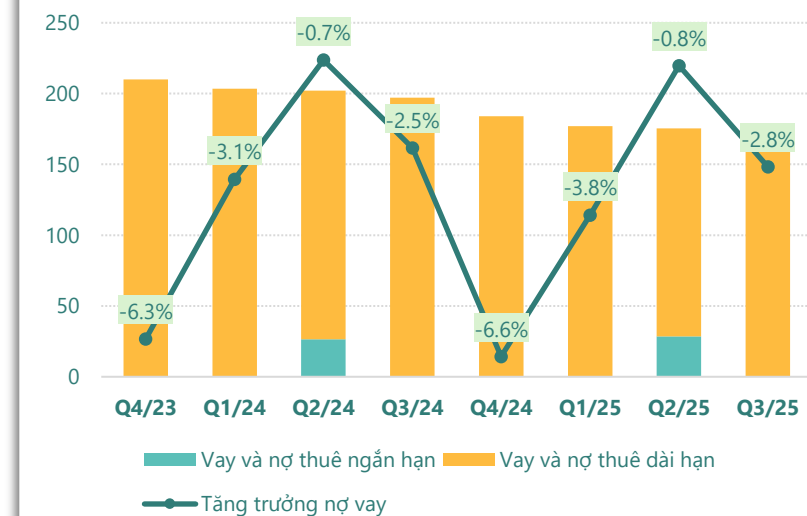
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

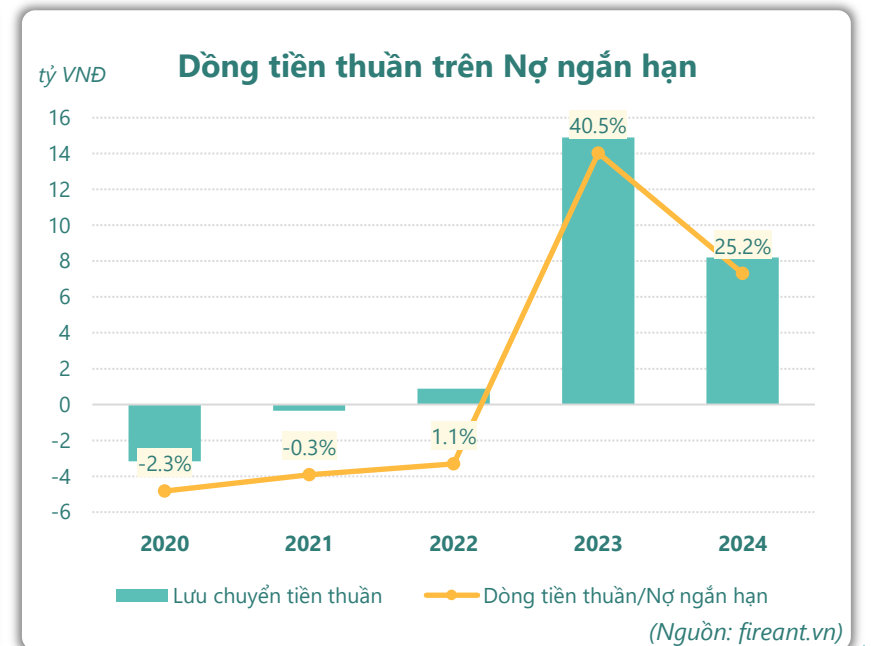
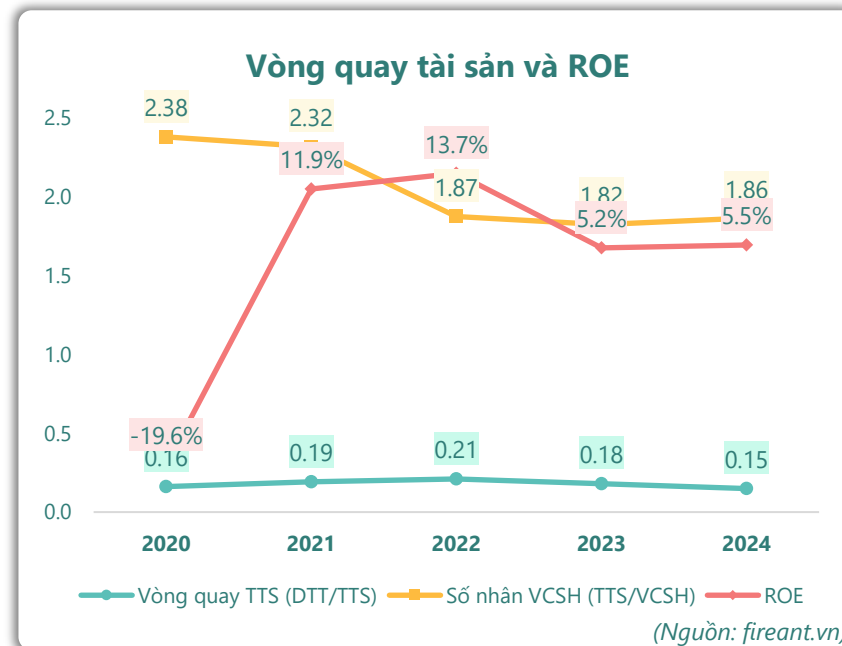
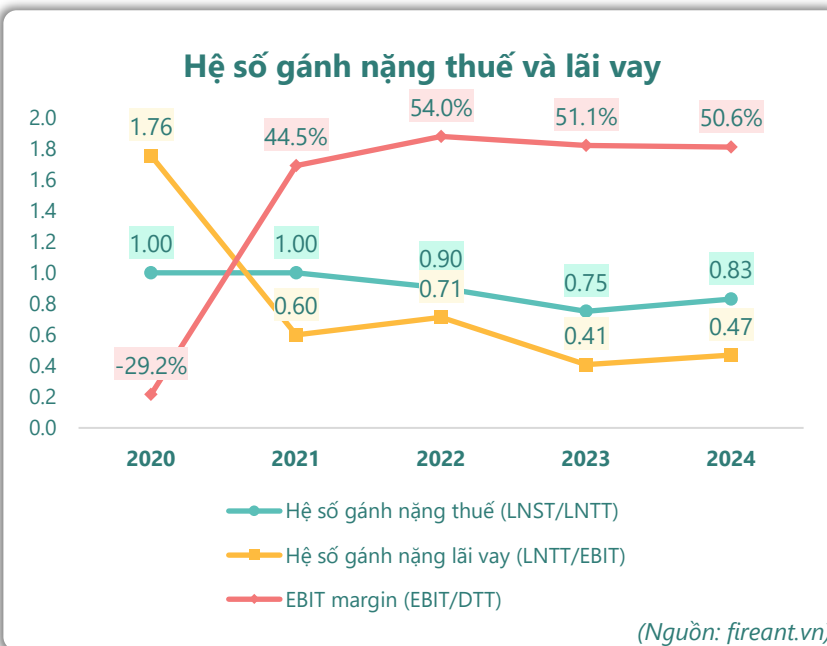
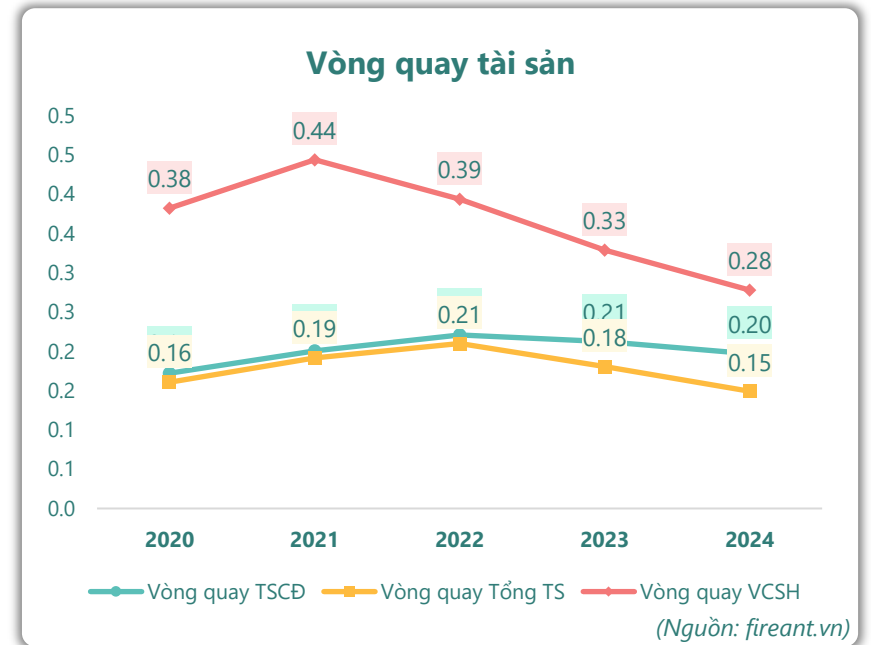
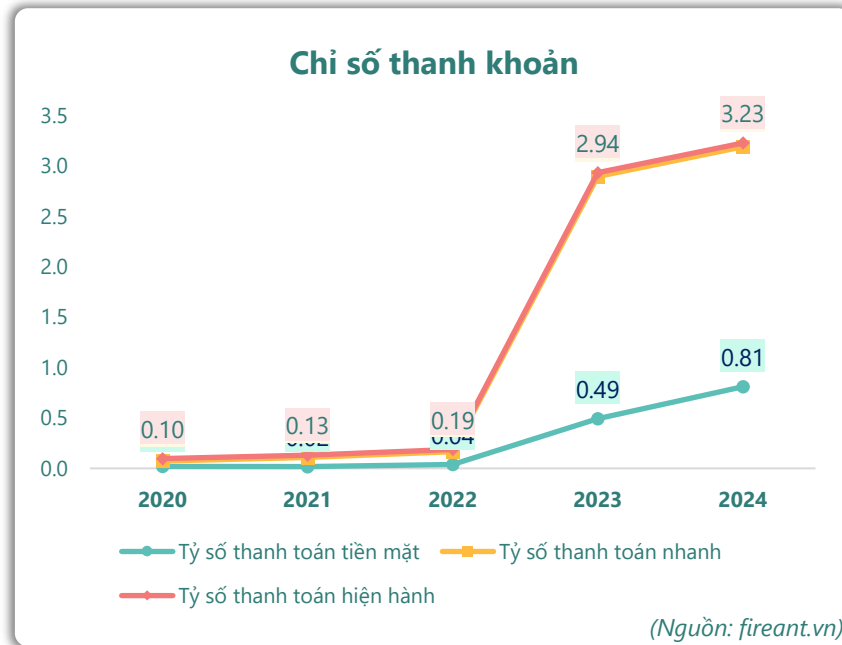
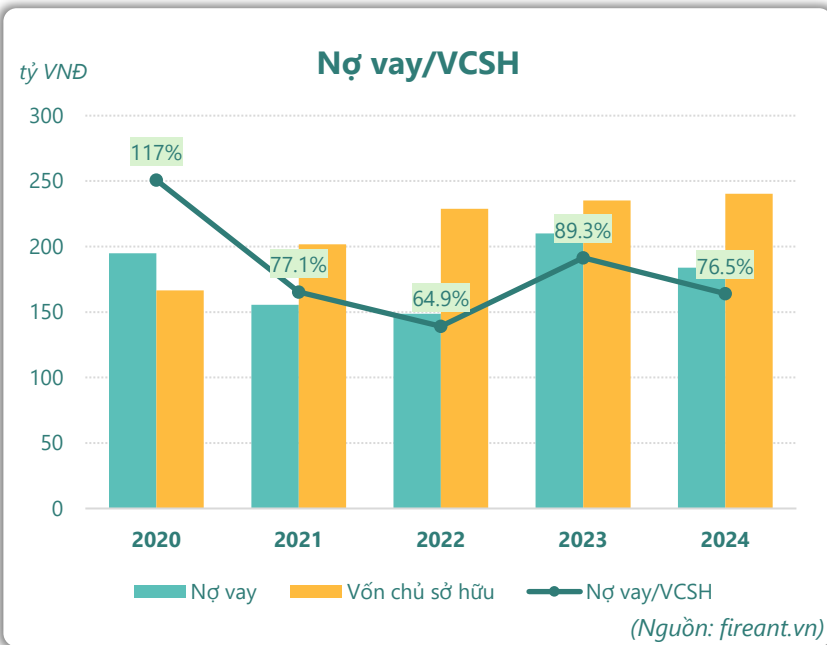
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	29.0	28.5	1.6%	49.0	43.8	11.9%
Giá vốn hàng bán	7.57	8.67	-12.7%	26.4	27.6	-4.2%
Lợi nhuận gộp	21.4	19.8	8.0%	22.6	16.2	39.4%
Doanh thu HĐTC	1.66	1.75	-5.0%	5.37	5.49	-2.3%
Chi phí TC	3.60	4.65	-22.5%	10.9	13.8	-20.9%
Chi phí lãi vay	3.60	4.65	-22.5%	10.9	13.8	-20.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.54	0.48	12.5%	1.53	2.28	-32.8%
LN thuần từ HĐKD	18.9	16.4	15.3%	15.5	5.60	177%
Lợi nhuận khác	-4.22	0.00		-4.44	0	
LN trước thuế	14.7	16.4	-10.5%	11.1	5.60	97.3%
Lợi nhuận sau thuế	6.77	15.3	-55.8%	3.14	4.34	-27.8%
LNST của CĐ cty mẹ	6.77	15.3	-55.8%	3.14	4.34	-27.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.93	14.2	20.6	-3.15	-5.15	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.40	2.62	-1.14	-3.21	15.2	-5.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.50	-5.00	-20.0	-7.03	-1.51	-4.96
Tiền đầu kỳ	9.12	15.1	26.9	26.4	13.0	21.5
Lưu chuyển tiền thuần	5.97	11.8	-0.52	-13.4	8.54	2.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.1	26.9	26.4	13.0	21.5	24.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	421	430	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	104	105	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	24.0	26.4	-8.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	78.6	77.3	1.6%
Hàng tồn kho	0.98	1.22	-19.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.25	0.15	62.0%
Tài sản dài hạn	317	325	-2.6%
Phải thu dài hạn	10.0	0.01	100000%
Tài sản cố định	305	324	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.34	1.10	22.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	178	190	-6.3%
Nợ ngắn hạn	7.17	32.5	-78.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	27.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.96	0.09	937%
Nợ dài hạn	171	157	8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	171	157	8.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	240	1.0%
Vốn chủ sở hữu	243	240	1.0%
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

